TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 12 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Trang;

- Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Phương TH, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc QN, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 9, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà TH, ông QN đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Phương TH trình bày:

Bà và ông QN tự tìm hiểu yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau,

theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày 18 tháng 7 năm 2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 bà và ông QN ly thân; đến năm 2021 cả hai tiếp tục sống chung được vài tháng, sau đó do vợ chồng bất đồng QN điểm sống, bà TH bỏ về nhà cha mẹ ở cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, bà TH yêu cầu được ly hôn với ông QN.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông QN có 02 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, hiện 02 cháu đang chung sống với bà TH. Bà TH yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu Trần K và cháu Trần Q, không yêu cầu ông QN cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc QN trình bày: Thống nhất với bà TH về thời gian và điều kiện đi đến sống chung với nhau, thời gian đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế nên bất đồng QN điểm sống, không thể hàn gắn được nên ông QN đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà TH.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018. Ông QN yêu cầu được nuôi cháu cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, đồng ý giao cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 cho bà TH tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về hôn nhân, con chung, nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Bà Lý Phương TH và ông Trần Quốc QN vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi chung là BLTTDS). Xác định thẩm quyền thụ lý QN hệ pháp luật tranh chấp, tư cách

pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ đúng quy địnhtại các Điều 195, 196, 198 và 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

QN nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Bà TH và ông QN tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày 18 tháng 7 năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong quá trình chung sống bà TH và ông QN có 02 con chung Trần K, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng QN điểm trong cuộc sống, do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà TH yêu cầu được ly hôn với ông QN. Bị đơn ông QN cũng thừa nhận có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với bà TH.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, từ nhỏ sống chung cùng bà TH, bà TH yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông QN cấp dưỡng nuôi con chung. Ông QN yêu cầu được nuôi cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, đồng ý giao cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 cho bà TH tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Thành có nguyện vọng được sống với mẹ và được ông QN đồng ý giao cho bà TH nuôi nên đề nghị chấp nhận.

Đối với cháu Trần Q bà TH yêu cầu nuôi, ông QN cũng yêu cầu nuôi. Xét thấy, cháu Tỷ do bà TH nuôi dạy, chăm sóc từ nhỏ cho đến nay và bà cũng có công việc ổn định, đủ khả năng nuôi dạy cháu Tỷ, đối với ông QN yêu cầu nuôi cháu Tỷ, xét thấy ông QN là tài xế lái xe, thường xuyên không về nhà nên

không có thời gian nuôi dạy, chăm sóc cháu Tỷ, đề nghị chấp nhận cho bà TH nuôi dạy cháu Trần Q.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Bà TH và ông QN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Bà TH và ông QN có đăng ký kết hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 101 do Uỷ ban nhân dân xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011), nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Bà TH yêu cầu ly hôn với ông QN, ông QN đồng ý ly hôn, do đó công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lý Phương TH và ông Trần Quốc QN.

[2] Về con chung:

Bà TH yêu cầu nuôi 02 cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, không yêu cầu ông QN cấp dưỡng nuôi con chung. Ông QN có yêu cầu nuôi cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018, đồng ý giao cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 chcho bà TH tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Thành có nguyện vọng được sống với mẹ (bà TH). Tuy nhiên 02 cháu Thành và Tỷ được bà TH chăm sóc, nuôi dạy từ nhỏ, Để ổn định cuộc sống của 02 cháu nên quyết định giao 02 cháu Thành và Tỷ cho bà TH tiếp tục nuôi dạy, ông QN không phải cấp dưỡng nuôi con cbung.

Bà TH cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông QN trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ QN có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà TH, ông QN thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 101 do Uỷ ban nhân dân xã T3, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011 không còn giá trị pháp lý.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

- Bà TH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, bà TH đã nộp đủ án phí.

- Ông QN không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Lý Phương TH và ông Trần Quốc QN.

2. *Về con chung*: Bà Lý Phương TH được quyền nuôi dạy cháu Trần K, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Trần Q, sinh ngày 06/7/2018 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Trần Quốc QN không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà TH cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông QN trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ QN có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về án phí*: Bà Lý Phương TH phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002415 ngày

03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; bà TH đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Quốc QN không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà TH, ông QN có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. K (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Thị Châu Ngọc